

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		HST	7:25	20	0		4	0	
2		P5+BK10+BK4	7:25	19+2+1	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
3		TD2	7:25	15	0		19	0	
4		AMD+HSD+TGTH1+VSP01	7:25	14+1+4	0+0+0	NGUOI NHA VSP01 MAT	12+2+4	0+0+0	Chuyen 1 HSD- TGTH1
5		BK8+PPD+TD3	9:25	1+7+13	0+0+0		1+3+18	0+0+0	Chuyen 1 BK8- ppd
6		TTC2+PPD+CTK3+BK20	9:25	4+13+3+0	0+0+0+0	MRM BO, THEM TTC2	0+9+9+0	0+0+0+0	Chuyen 3 CTK3- BK20
7		AMD+PPD+BK5	11:25	5+13+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	Chuyen 1 PPD- BK5
8		P8+P11+RP3	11:25	12+0+0	0+0+0		0+7+15	0+0+0	Chuyen 1 P8- P11

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	TO: HST	CREW: HUNG - Linh - MQUÂN	ETA: 09:15
cam-1			

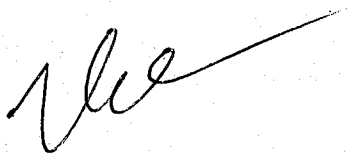
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN QUANG HUY	HST	07	1	5		80	TLJOC	Vietnamese
2	DO TRONG NGHIA	HST	21-22	2	14		68	TLJOC	Vietnamese
3	TO TINH	HST	08	1	9		75	TLJOC	Vietnamese
4	HY TAC SANG	HST	13-14	2	15		70	TLJOC	Vietnamese
5	VU DINH HOP	HST	60,26	2	11		80	PVD INVE	Vietnamese
6	TRAN TRUNG	HST	50-51	2	13		62	PETROWE	Vietnamese
7	DINH QUANG TRUONG	HST	06	1	7		55	PVD TRAI	Vietnamese
8	VÔ TIEN PHUNG	HST	10	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM HONG QUY	HST	11	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THIEN SON	HST	12	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN QUY	HST	15	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUC PHUNG	HST	58-59	2	18		64	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN MINH HUONG	HST	56-57	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
14	DANG VAN CHUNG	HST	54-55	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VU TRUNG KIEN	HST	04-05	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ANDREW BEDIO	HST	52-53	2	17		90	KH-THAC	Malaysian
17	DOAN PHUC HOANG	HST	19-20	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU DINH TRONG	HST	18	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM TUAN CHUNG	HST	09	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
20	DO THE THANH	HST	16-17	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

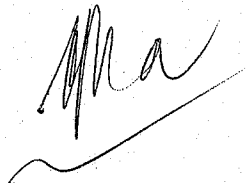
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	20	31	247	1.401	0	4		
	TOTAL	20	31	247	1.401	0	4		
	WEIGHT KG			247	1.401	0			

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: P5 - BK10 - BK4	CREW: Hạnh - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P5					77	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	P5					67	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THANH	P5					60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HẬU	P5	41	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NAM-PVD	P5	43	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUYNH	P5	52	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ XUÂN TUYẾN	P5					62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG OANH-PVDT	P5	40	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH HUNG	P5	46	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN HOA	P5	42	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM MINH THẮNG-PVD	P5	49-50	2	11		77	KHOAN	Vietnamese
12	QUÁCH THẾ ANH	P5	45	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT HỒ	P5	56	1	14	20	70	DVL	Vietnamese
14	ĐO NGỌC DUYỀN	P5	44	1	12		73	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN NGỌC	P5	53	1	7	20	65	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN SỸ HƯA	P5	54-55	2	15	8	60	T-TIN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN ĐỨC	P5					77	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN TỬ TOÀN	P5	51	1	4		47	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN LINH	P5	47-48	2	6		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	40	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN TRỌNG VŨ	BK10	39	1	2		57	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4	42	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	19	17	105	1.297	48	17		
2	BK10	2	2	11	140	0	4		
3	BK4	1	1	5	75	0	1		
TOTAL		22	20	121	1.512	48	22		
WEIGHT KG				121	1.512	48			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:32
FLIGHT: 3	TO: TD2	CREW: MTiến - MTuấn	ETA: 10:32
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC THO	TD2	01	1	2	35	74	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	04	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
3	BUI VĂN CHÍNH	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
4	NGÔ TRI HOANG	TD2	19-20	2	12		65	DVL	Vietnamese
5	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	10	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
6	LY ANH TUẤN	TD2	13	1	11		90	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VĂN BẮC	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN BẮC	TD2	11	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGỌC ĐO	TD2	08	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO VĂN CUÔNG	TD2	03	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VIỆT HÀ-PVD	TD2	02	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH QUANG HUY	TD2	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NHỎ ĐÔNG	TD2	05	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TÍNH	TD2	06-07	2	5		69	KHOAN	Vietnamese
15	VU THANH DƯƠNG	TD2	14	1	8		80	DVL	Vietnamese
16	BUI QUANG NINH	TD2	12	1	2		66	D-HANH	Vietnamese
17	BUI KIEN DUC	TD2	17-18	2	15		85	D-HANH	Vietnamese
18	LAM HOANG PHUC	TD2	15-16	2	18		100	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	20	118	1.373	35	19		
TOTAL		18	20	118	1.373	35	19		
WEIGHT KG				118	1.373	35			

GRAND TOAL: 1.526 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2020	TO: AMD - HSD - TGTH1 - VSP01	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:33
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Trương - Dũng	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	AMD	64	1	10	20	75	HLJOC	Vietnamese
2	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	75	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO SY KHOI	AMD	72	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN BAC HA	AMD	76	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	LE TRI TRUNG	AMD	21	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH KHOA	AMD	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN QUANG LONG	AMD	78	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI NG HAI VI	AMD	79	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
9	PHI MANH HAI	AMD	71	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH TAN	AMD	74	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TRAN LIEM	AMD	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DUC CUONG	AMD	73	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG DINH VINH	AMD	68-70	3	21		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG LONG	HSD	17-18	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
15	CHU DUC CHI	TGTH1	24-25	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	29	1	10		75	HLJOC	Vietnamese
17	THAI THANH THAO	TGTH1	28	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET THANG	TGTH1	27	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VAN HOA	TGTH1	26	1	3		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	15	108	924	20	11		CHUYEN 1 KHACH TU HSD SANG TGTH1
2	HSD	1	2	13	71	0	2		
3	TGTH1	5	6	46	364	0	4		
4	VSP01	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	23	167	1.359	20	18		
WEIGHT KG				167	1.359	20			

GRAND TOAL: 1.546 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 1350 (kg) (Hla)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2020	TO: BK8 - PPD - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - Linh - MQUÂN	ETA: 11:25
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8	55	1	8	22	80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ THANH HÙNG	PPD	01-02	2	14	75	71	YTE	Vietnamese
3	ĐUÔNG ĐỨC HIẾU	PPD	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HÙNG	PPD	06	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC QUÂN	PPD	03	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NĂNG PHONG	PPD	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO CUÔNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
9	GUSHEYNOV M.A	TD3	29-30	2	8		76	KHOAN	Russian
10	BUI HỮU VŨNG	TD3	03	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	04	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGO VĂN KIEM	TD3	07	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
13	CHU VĂN THĂNG	TD3	31	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ THANH HẢI	TD3	06	1	2		85	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU VĂN SƠN	TD3	05	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ ANH XUÂN	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN HẢI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	08-09	2	11		80	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC TUÂN	TD3	01	1	2		59	KHOAN	Vietnamese
20	HA VĂN PHÚC	TD3					76	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN SANG	TD3	02	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	1	1	8	80	22	1		CHUYỂN 1 PAX BK8 SANG PPD
2	PPD	7	6	40	497	75	3		
3	TD3	13	12	52	936	0	18		
TOTAL		21	19	100	1.513	97	22		
WEIGHT KG				100	1.513	97			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: TTC2 - PPD - CTK3 - BK20	CREW: Hạnh - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN HUY	TTC2	83	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN NGHI	TTC2	06	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC TRI	TTC2	07	1	8	73	70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CHI CONG	TTC2	84	1	8		52	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN ĐÀO	PPD	21	1	5		99	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	20	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
7	BIỆN MINH SƠN	PPD	98	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN VIỆT	PPD	18	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ ĐỨC VONG	PPD	97	1	3	52	66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	19	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	96	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH TRI	PPD	600	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	498-499	2	15		59	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	497	1	6		97	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HẢI	PPD	500	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SANG	PPD	200	1	8		68	KHI	Vietnamese
17	LÊ MINH HIẾU	PPD	99	1	6		72	KHI	Vietnamese
18	DANG THANH HOANG	CTK3					77	VNHS	Vietnamese
19	SMIRNOV.S.S	CTK3	67	1	6		96	KH-THAC	Russian
20	DO VAN THAO	CTK3	74	1	9	19	73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	4	40	263	73	0		CHUYEN 3 PAX TU CTK3 SANG BK20
2	PPD	13	14	75	969	52	10		
3	CTK3	3	2	15	246	19	9		
4	BK20	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	20	130	1.478	144	19		
WEIGHT KG				130	1.478	144			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2020	TO: AMD - PPD - BK5	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - VAnh - Toan	ETA: 13:35
VANG-3			

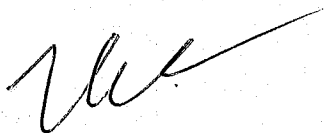
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO BA THANH	AMD	61	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TIEN	AMD	58,60	2	20		79	CODIEN	Vietnamese
3	BUI VAN TUAN	AMD	63	1	5		73	PVGAS	Vietnamese
4	MAI DUC CUONG	AMD	62	1	5		71	PVGAS	Vietnamese
5	DUONG TRUONG LAM	PPD	29	1	4	30	70	KHI	Vietnamese
6	PHAM VAN CHINH	PPD	30	1	17		73	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LY	PPD	28	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN LONG	PPD	31	1	9		55	T-TIN	Vietnamese
9	VO MINH HIEN	PPD	32	1	5		55	T-TIN	Vietnamese
10	DANG HONG CHUC	PPD	40-41	2	17		63	OMSC	Vietnamese
11	VO AN THUYEN	PPD	38	1	7		70	OMSC	Vietnamese
12	VO QUOC VIET	PPD	37	1	8		65	OMSC	Vietnamese
13	NGUYEN TRI TAI	PPD	36	1	6		59	OMSC	Vietnamese
14	HOANG MANH CUONG	PPD	39	1	9		65	OMSC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CUONG	PPD	35	1	6		60	OMSC	Vietnamese
16	TA VAN LOI	PPD	42-43	2	17		57	OMSC	Vietnamese
17	PHI HUNG	PPD	33-34	2	10		67	OMSC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

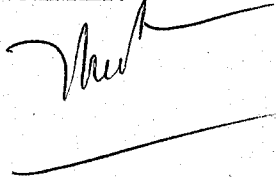
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	5	35	285	0	1		CHUYEN 1 PAX PPD SANG BK5
2	PPD	13	16	120	829	30	16		
3	BK5	0	0	0	0	45	4		
TOTAL		17	21	155	1.114	75	21		
WEIGHT KG				155	1.114	75			

GRAND TOAL: 1.344 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:02
FLIGHT: 8	TO: P8 - P11 - RP3	CREW: Hạnh - VLinH - NNam	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỒNG THÀNH	P8	69	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ ĐỨC TUYẾN	P8	80	1	5		78	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TUỔI	P8	83-84	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN PHI HÙNG	P8	81	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ QUÝ ĐÓN	P8	72-73	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
6	QUẦN VĂN KHANH	P8	70	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐOÀN CÔNG MẠNH	P8	77	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH ĐỨC THIÊN	P8	78-79	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	P8	74-75	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐINH VĂN TUẤN	P8	71	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÂN	P8	76	1	18		57	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P8	82	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	12	16	154	796	0	0	1	CHUYỂN 1 PAX P8 SANG P11
2	P11	0	0	0	0	15	7		
3	RP3	0	0	0	0	80	15		
TOTAL		12	16	154	796	95	22		
WEIGHT KG				154	796	95			

GRAND TOAL: 1.045 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN